

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGD-PT
Ngày 15 -7 - 2021
V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau ly hôn và cấp
dưỡng nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Kim Quy

Bà Hoàng Thị Vân.

-Thư ký phiên toà: Bà Thiều Thị Minh Huyền – Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Vương Thị Chiêm- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 17/5/2021 về “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con”. Do bản án sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị S; Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Duy L; Sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Tổ 01, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Anh Bùi Duy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sùng Thị S trình bày:

Chị S kết hôn với anh Bùi Duy L năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, có 02 con chung là cháu Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và cháu Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016. Năm 2019, vợ chồng ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc giải quyết theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2020/QĐST-HNGD ngày 15/01/2020. Nội dung quyết định giải quyết về phần

con chung vợ chồng thỏa thuận:.. “anh Bùi Duy L là người trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con”. Tuy nhiên, anh L không trực tiếp nuôi dưỡng mà đưa 02 con về TQ để cho bố mẹ đẻ của anh là ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị T chăm sóc. Như vậy, chưa đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng, trông nom các con để con được phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay, chị có nhà, công việc của chị là cán bộ phòng Lao động, thương binh và xã hội, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*), các con chị là con gái ngày một lớn chỉ có mẹ có thể chia sẻ và đảm bảo phát triển hoàn thiện về tâm sinh lý. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con, yêu cầu anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ tháng/01 cháu, hai cháu là 2.000.000đ/ tháng.

Bị đơn anh Bùi Duy L trình bày: Chị Sùng Thị S trình bày về ly hôn và những vấn đề khác là đúng và anh L bổ sung thêm như sau: Trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc chị S là người từ chối việc nuôi con vì không đủ điều kiện kinh tế và không cấp dưỡng nuôi con, việc nuôi con và không cấp dưỡng được ghi nhận trong quyết định. Hiện nay 02 con là Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 đang sinh hoạt, học tập cùng ông bà nội tại tổ 03, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, các con đang học tập rất tốt. Kể từ ngày có quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án anh luôn cố gắng, nỗ lực dành tất cả yêu thương cho các con để đảm bảo đầy đủ sự phát triển về thể chất và tinh thần. Trong quá trình nuôi dưỡng con anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con. Tổng thu nhập mỗi tháng của anh là 13.000.000đ (*Mười ba triệu đồng*), vì điều kiện công tác nên anh không được gần các con nên mỗi tháng anh đều gửi về cho bố mẹ 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) để ông bà chăm sóc hai con. Hiện tại anh không theo học trường nào, không nợ và cũng không phải nuôi ai ngoài hai con, bố mẹ đã có lương hưu, ở nhà nội trợ và có thời gian hỗ trợ anh chăm sóc các cháu. Nay chị S yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh không nhất trí.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các khoản 1, 5 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị S, giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng các con là Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016, anh Bùi Duy L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con là 2.000.000đ/ tháng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, bị đơn anh Bùi Duy L kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị S có quyền đi lại thăm hai con chung, không ai được ngăn cản, anh L không có ý kiến gì, còn nếu chị S vẫn giữ nguyên quan điểm thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết mỗi người nuôi một con, anh L nuôi con Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014, chị S nuôi con Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải đóng góp tiền nuôi dưỡng con, hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Bùi Duy L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình thêm hai chứng cứ là Giấy khen và phiếu khen của hai con D và L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 309 chấp nhận kháng cáo của anh L, sửa bản án sơ thẩm giao cho anh Bùi Duy L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014, và giao cho chị S chăm sóc con Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con. Án phí: Anh L không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Bùi Duy L về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo được xem xét trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Bùi Duy L đối với đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con và không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy:

[3] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 02/2020/QĐST-HNGD ngày 15/01/2020, anh Bùi Duy L là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị S không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Đến khoảng tháng 11/2020 chị Sùng Thị S khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, đề nghị được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con là Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014; Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 và Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

chị S với lý do: Sau khi Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh L và chị S về việc giao các con chung là cháu Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 cho anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng anh L không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con mà hiện nay các cháu Bùi Phương D và Bùi Phương L lại do bố mẹ đẻ của anh L là ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị T hiện đang trú tại tổ 03 phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện anh L đang công tác tại Điện lực Đ, chi nhánh huyện M, tỉnh Hà Giang nên không thường xuyên có mặt ở nhà để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục các con chung là cháu D và cháu L. Đối với chị Sùng Thị S hiện đang có công việc, thu nhập ổn định (Hiện đang là cán bộ phòng Lao động, Thương binh và xã hội huyện M, tỉnh Hà Giang, thu nhập hơn 7.000.000 đồng/01 tháng), mặt khác, chị Sùng Thị S có nhà, đất ổn định tại thị trấn M, huyện Mèo Vạc và có thời gian để đảm bảo các con chung được chăm sóc và nuôi dưỡng một cách tốt nhất. Các cháu Bùi Phương D, Bùi Phương L là nữ giới, việc giao các con chung là cháu D và cháu L cho người mẹ nuôi dưỡng đảm bảo việc phát triển tâm lý, sinh lý của các cháu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Sùng Thị S có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là cháu Bùi Phương D và Bùi Phương L hơn anh Bùi Duy L, còn việc đi lại thăm nom và tình cảm của bố đối với các con không thay đổi. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình việc chị Sinh trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 2 con là hoàn toàn có căn cứ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cần thay đổi người trực tiếp nuôi các con chung là cháu Bùi Phương D và Bùi Phương L từ anh Bùi Duy L sang chị Sùng Thị S là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Quá trình kháng kháng cáo, anh L đã nộp một số tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ăn ở, học hành, sinh hoạt của hai con anh L luôn được đảm bảo. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L xuất trình thêm hai chứng cứ chứng minh kết quả học tập của hai con. HĐXX xét thấy: Theo luật Hôn nhân và gia đình thì việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đồng thời Luật cũng có quy định cha, mẹ phải là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L trình bày không thường xuyên về thăm các con nhưng cứ có thời gian được nghỉ là anh lại về thăm con, anh L cũng thừa nhận chị S cũng có quan tâm đến các con, và lý do chị S xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì có một lần chị S đến thăm con bố mẹ anh L không đồng ý cho chị S đưa con ra ngoài chơi vì lý do covid và chị S có lời lẽ thiếu tôn trọng bố mẹ anh L. Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, chị S đưa ra lý do khi ly hôn lại giao con cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc vì anh L đã có những lời lẽ xúc phạm chị là *“người mông không biết nuôi con”*, bên cạnh đó, khi chị về thăm con muốn được đón con đi chơi thì bố mẹ anh L đã ngăn cản, chị S xác nhận hàng tháng đều về thăm con, ngày lễ, sinh nhật con đều có quà, vẫn gọi điện thăm con qua điện thoại của bà nội và chị S cho rằng hiện tại nhà chị ở trung tâm thị trấn M, điều kiện kinh tế, văn hóa của M rất phát triển, trường lớp đáp ứng được yêu cầu học hành của các con. Như vậy, cả anh L và chị S đều quan tâm chăm sóc đến các con và thực hiện nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ sau khi ly hôn. Tuy nhiên, cả hai

cháu đều thiếu thôn tình thương của cả bố và mẹ vì cả bố và mẹ đều không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu, hai cháu có cả bố và mẹ nhưng không được sống chung cùng với bố, mẹ. Thực tế, anh L phải là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con sau ly hôn theo quyết định của Tòa án nhưng anh L cho rằng vì điều kiện công tác nên gửi con về cho ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc hộ. Trong khi đó chị S là người có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con thể hiện: chị S có công ăn việc làm ổn định, có nhà, anh L cũng đang công tác tại huyện M, việc nuôi dưỡng, chăm sóc hai con và việc đi lại thăm nom chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cũng thuận tiện và tạo được sự gần gũi, gắn kết tình cảm giữa cha, mẹ và con cái. Hơn nữa, Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định quyền và nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại thì ông bà nội, ngoại thực hiện việc nuôi dưỡng cháu khi không có người nuôi dưỡng. Trong vụ án này cháu D và cháu L còn đầy đủ cả bố và mẹ, do đó, khi anh L không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con và chị S là người có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con thì việc giao các con cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ về tâm sinh lý, ăn ở, sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu khác và có sự chăm sóc trọn vẹn của cả bố và mẹ (sau khi bố, mẹ đã ly hôn) thì việc giao các con cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với đề nghị của Anh L về việc giao con Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 để anh trực tiếp nuôi dưỡng còn chị S trực tiếp nuôi con Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX nhận thấy: Hai con của anh L và chị S đều là con gái nên việc gần gũi, chia sẻ với các con của chị S sẽ dễ dàng hơn. Mặc dù trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Tòa án đã tiến hành ủy thác lấy lời khai của cháu D (*tại thời điểm xét xử phúc thẩm cháu D đủ 7 tuổi*) cháu D có nguyện vọng được ở với ông bà nội nhưng xét về điều kiện của chị S có công ăn việc làm ổn định và thu nhập đảm bảo, có nhà ở riêng, bản thân chị S làm việc tại trung tâm huyện có điều kiện trực tiếp chăm sóc con cái, hơn nữa hai con của anh L và chị S từ khi bố, mẹ còn sống chung đến khi bố mẹ ly hôn đều ở cùng nhau, việc tách hai chị em sẽ gây tâm lý không tốt cho cả hai cháu, ảnh hưởng ăn ở, sinh hoạt và sự phát triển tâm lý toàn diện của hai cháu. Vì vậy, căn cứ nhận định tại đoạn [3], [4] ở trên và đảm bảo nguyên tắc theo quy định Luật hôn nhân và gia đình về người trực tiếp nuôi con là cha mẹ cần để chị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu D và P.

[6] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bùi Duy L trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm thu nhập 13.000.000 đồng/01 tháng, anh L không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào cũng như không phải chu cấp nuôi dưỡng chăm sóc ai, anh không theo học trường lớp nào. Theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 việc chăm sóc giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ đối với con, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và mức cấp dưỡng được quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Do đó, khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho chị S

được nuôi hai con chung và buộc anh L cấp dưỡng 2.000.000/01 tháng/02 con đối với các con là Bùi Phương D và Bùi Phương L là hoàn toàn phù hợp với khả năng kinh tế của anh L cũng như mức chi phí, sinh hoạt hàng ngày của hai cháu L và D, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX phúc thẩm thấy rằng việc anh L cấp dưỡng nuôi con chung đúng quy định pháp luật, phù hợp với thực tế thu nhập của anh L.

[7] Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy kháng cáo của anh L đối với toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND huyện Mèo Vạc chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa về việc chấp nhận kháng cáo của anh L chia cho anh L nuôi cháu D và chị S nuôi cháu L. HĐXX xét thấy: Cháu D và cháu L cùng là chị em gái, từ khi bố mẹ chưa ly hôn đến khi bố mẹ ly hôn hai chị em vẫn ở cùng nhau, hơn nữa anh L không trực tiếp nuôi hai con sau khi ly hôn, các cháu đều là con gái, tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, bên cạnh đó, anh L đang sinh sống và công tác tại huyện M nên việc thăm nom, chăm sóc các con không bị ảnh hưởng. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chưa đủ căn cứ để chấp nhận.

[8] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu D và cháu L mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng, tổng số tiền anh L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là 2.000.000đ/ 1 tháng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tuyên cụ thể ai sẽ là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, HĐXX phúc thẩm quyết định người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung là chị Sùng Thị S, địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang (là mẹ đẻ, người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D và cháu L).

[9] Án phí phúc thẩm: Anh Bùi Duy L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; các Điều 28, Điều 38, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu. nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Duy L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2021/HNGD-ST ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị S về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung”. Giao cho chị Sùng Thị S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Bùi Phương D, sinh ngày 28/4/2014 và Bùi Phương L, sinh ngày 14/6/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Duy L được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Bùi Duy L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là cháu Bùi Phương D và Bùi Phương L là 1.000.000 đồng/ 01 tháng/01 con, cả hai con là 2.000.000 đồng/ 01 tháng. Phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/4/2021). Người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung là chị Sùng Thị S, địa chỉ: Tổ 02, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang (là mẹ đẻ, người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D và cháu L).

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

2. Án phí phúc thẩm: Anh Bùi Duy L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc biên lai số 0006452 ngày 04/5/2021.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện MV;
- Chi cục THADS huyện MV;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân

